

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2021

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Trung Hiếu;

2. Ông Vũ Tùng Lâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-7-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N, sinh năm 2002.

Trú quán: Thôn V, xã Q, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1998;

Trú quán: Thôn V, xã Q, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2021 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày:

Chị và anh Lý Văn Đ được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào ngày 12 tháng 12 năm 2018, tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh, chị về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn V, xã Q, huyện VY, tỉnh YB. Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi cọ, anh Đ

không tu chí làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lý Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Lý Văn Đ có một con chung là cháu Triệu Thanh L, sinh ngày 29-12-2018. Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 7 năm 2021, anh Lý Văn Đ trình bày: Anh và chị Triệu Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ làm đám cưới theo phong tục địa phương. Anh và chị N chung sống cùng gia đình anh tại thôn V, xã Q, huyện VY. Trước khi về chung sống với nhau như vợ chồng có tìm hiểu, nhưng về ở với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, mâu thuẫn nhỏ bắt đầu từ năm 2019, mâu thuẫn căng thẳng, đỉnh điểm từ đầu năm 2021. Mâu thuẫn giữa anh và chị N hai bên gia đình có biết, có hoà giải nhưng không cải thiện được tình cảm. Chị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 2 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn chị N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng anh nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là cháu Triệu Thanh L, sinh ngày 29-12-2018. Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N anh nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 3, Điều 14, Điều 15, Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị N và anh Lý Văn Đ; Về con chung: Giao cháu Triệu Thanh L, sinh ngày 29-12-2018 cho chị Triệu Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Lý Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung:

Chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Lý Văn Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lý Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lý Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi chị N và anh Đ sinh sống xác nhận anh, chị chưa đăng ký kết hôn và chưa xác nhận tình trạng kết hôn tại xã (bút lục 42). Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Chị N và anh Đ chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2018 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Đ của chị N là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, xử không công nhận chị Triệu Thị N và anh Lý Văn Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Triệu Thị N và anh Lý Văn Đ có 01 con chung là Triệu Thanh L, sinh ngày 29-12-2018, hiện cháu L đang ở cùng chị N. Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh Đ thống nhất thỏa thuận để chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của chị N và anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 15 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh Đ. Giao con chung Triệu Thanh L cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Lý Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228, 235, 266; 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Triệu Thị N và anh Lý Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Thị N và anh Lý Văn Đ, giao con chung Triệu Thanh L, sinh ngày 29-12-2018 cho chị Triệu Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi. Anh Lý Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lý Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005557 ngày 23-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lý Văn Đ không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương